

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình khai thác nước dưới đất của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định để phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất tại các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam và Quy Nhơn Bắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2997/GP-BTNMT, ngày 23/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định;

Theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định ngày 20/10/2025; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 18/TTr-SNNMT ngày 08/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (địa chỉ tại số 146 đường Lý Thái Tổ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai - mã số thuế: 4100258955) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2997/GP-BTNMT ngày 23/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Bãi giếng Tân An, thôn Liêm Trục, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước của công trình:

2.1. Mục đích sử dụng nước của công trình: Cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (cấp nước đô thị) cho thành phố Quy Nhơn (nay là phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam và Quy Nhơn Bắc).

2.2 Lưu lượng sử dụng nước của công trình: 25.000 m³/ngày đêm.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

3.1. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Kinh doanh dịch vụ, sản xuất, sinh hoạt.

3.2. Lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

- Lưu lượng phải nộp tiền cho kinh doanh dịch vụ, sản xuất là 4.552,5 m³/ngày đêm trong thời gian khai thác từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 22/11/2025.

- Lưu lượng phải nộp tiền cho sinh hoạt là 20.447,5 m³/ngày đêm trong thời gian khai thác từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 22/11/2025.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$G = 5.000$ đồng/m³. (Giá tại thời điểm nộp hồ sơ ngày 31/12/2025, áp dụng tính cho khai thác nước với mục đích sinh hoạt).

5. Số tiền phải nộp 01 ngày:

5.1 Số tiền phải nộp 01 ngày đối với mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ là: 398.003,66 đồng.

5.2 Số tiền phải nộp 01 ngày đối với mục đích sinh hoạt là: 143.137,93 đồng.

6. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền.

6.1. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền với mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ: 3.005 ngày.

6.2. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền với mục đích sinh hoạt: 145 ngày.

7. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp là 1.216.756.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Số tiền phải nộp năm 2026 là: 20.755.000 đồng.

8. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm, theo phụ lục đính kèm.

9. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh Gia Lai.

Điều 2.

1. Thuế tỉnh Gia Lai có trách nhiệm ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và gửi đến Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định có trách nhiệm nộp tiền đúng theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này khi có thông báo của cơ quan Thuế tỉnh Gia Lai và gửi bản sao biên lai nộp tiền đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý; đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp

phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 17/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với hoạt động khai thác nước dưới đất của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, khai thác nước dưới đất tại Bãi giếng Tân An, thôn Liêm Trục, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, công trình 25.000 m³/ngày để phục vụ cấp nước đô thị cho khu vực thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Thuế tỉnh Gia Lai, Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, N₁, 4.





**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC CHO MỤC
ĐÍCH SẢN XUẤT, KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ SINH HOẠT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh)

STT (năm)	Quyết định số 17/QĐ- BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ (từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 22/11/2025) (Đồng) (1)	Phát sinh mục đích sử dụng nước phải nộp tiền. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho mục đích sinh hoạt (từ ngày 1/7/2025 đến hết ngày 22/11/2025) (Đồng) (2)	Tổng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định phải nộp hằng năm (từ 2017 đến 2026) (Đồng) (3)=(1)+(2)
2017	339.325.000	0	339.325.000
2018			
2019			
2020	145.368.000	0	145.368.000
2021	145.368.000	0	145.368.000
2022	145.368.000	0	145.368.000
2023	145.368.000	0	145.368.000
2024	145.368.000	0	145.368.000
2025	129.836.000	Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp của năm 2025 được cộng vào số tiền phải nộp của năm 2026	129.836.000
2026	0	20.755.000	20.755.000
Tổng	1.196.001.000	20.755.000	1.216.756.000